

|            |            |         |         |
|------------|------------|---------|---------|
| Ngày       | 29,700 VNĐ |         |         |
| 30/09/2024 |            |         |         |
| Thay đổi   | 1 tháng    | 3 tháng | 6 tháng |
|            | 6.8%       | 2.9%    | 21.4%   |

|       |      |                   |
|-------|------|-------------------|
| Q3/24 |      |                   |
| ROE   | 8.8% | +/- YoY<br>▼ 0.8% |

|          |        |                         |
|----------|--------|-------------------------|
| Q3/24    |        |                         |
| DT thuần | 2,284  | QoQ<br>▼ 451<br>▼ 16.5% |
|          | tỷ VNĐ | YoY<br>▼ 554<br>▼ 19.5% |

|          |        |                           |
|----------|--------|---------------------------|
| 9T 2024  |        |                           |
| DT thuần | 6,701  | YoY<br>▼ 1,923<br>▼ 22.3% |
|          | tỷ VNĐ |                           |

|        |        |                          |
|--------|--------|--------------------------|
| Q3/24  |        |                          |
| LN gộp | 11.8   | QoQ<br>▲ 7.99<br>▲ 209%  |
|        | tỷ VNĐ | YoY<br>▲ 4.12<br>▲ 53.4% |

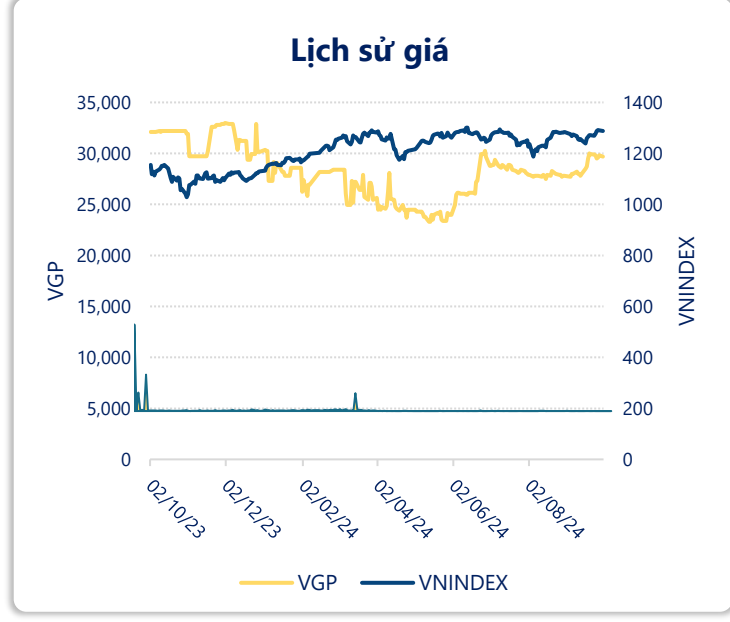
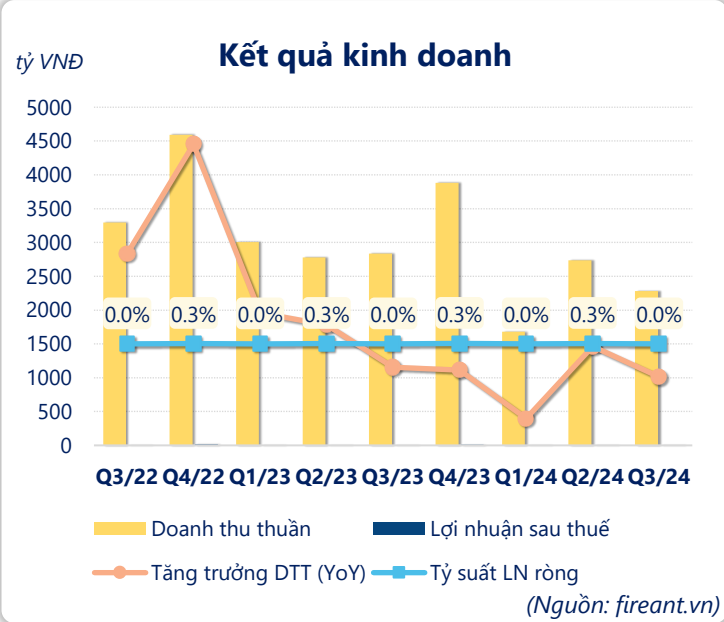
|         |        |                          |
|---------|--------|--------------------------|
| 9T 2024 |        |                          |
| LN gộp  | 31.7   | YoY<br>▲ 9.20<br>▲ 40.9% |
|         | tỷ VNĐ |                          |

|          |        |                          |
|----------|--------|--------------------------|
| Q3/24    |        |                          |
| LN thuần | 0.31   | QoQ<br>▼ 5.35<br>▼ 94.4% |
|          | tỷ VNĐ | YoY<br>▼ 0.16<br>▼ 33.0% |

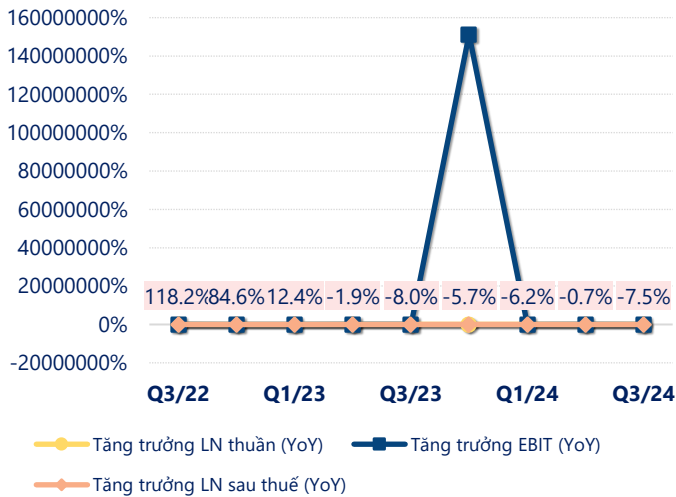
|          |        |                          |
|----------|--------|--------------------------|
| 9T 2024  |        |                          |
| LN thuần | 6.35   | YoY<br>▼ 3.65<br>▼ 36.5% |
|          | tỷ VNĐ |                          |

|             |        |                          |
|-------------|--------|--------------------------|
| Q3/24       |        |                          |
| LN sau thuế | 0.41   | QoQ<br>▼ 6.85<br>▼ 94.4% |
|             | tỷ VNĐ | YoY<br>▼ 0.03<br>▼ 7.6%  |

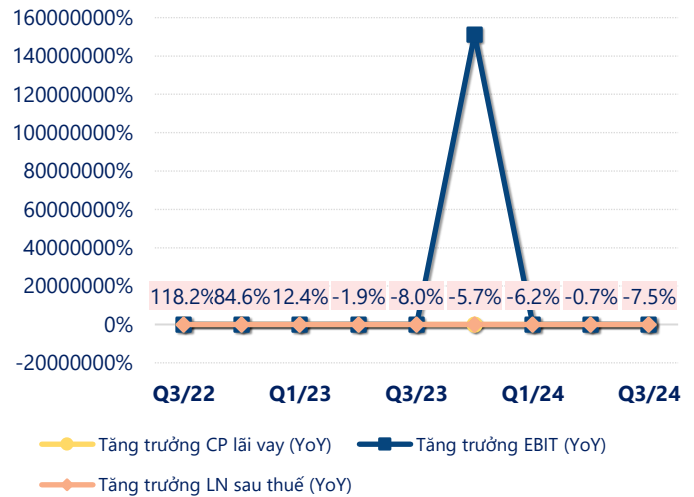
|             |        |                         |
|-------------|--------|-------------------------|
| 9T 2024     |        |                         |
| LN sau thuế | 8.02   | YoY<br>▼ 0.10<br>▼ 1.2% |
|             | tỷ VNĐ |                         |



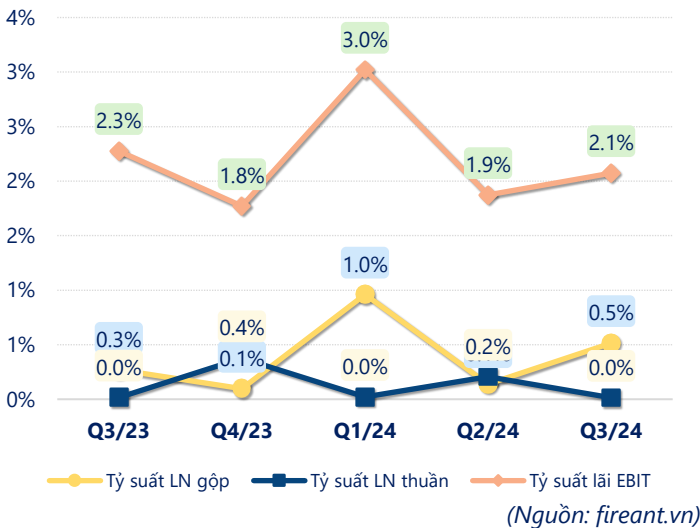
## Tăng trưởng lợi nhuận



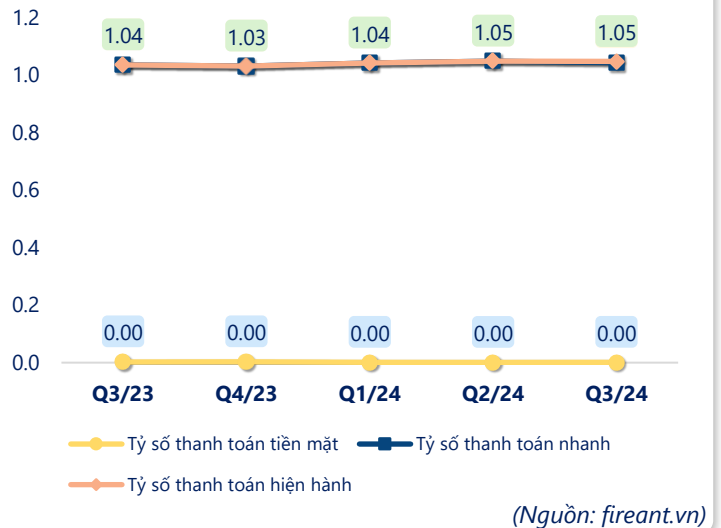
## Tăng trưởng chi phí



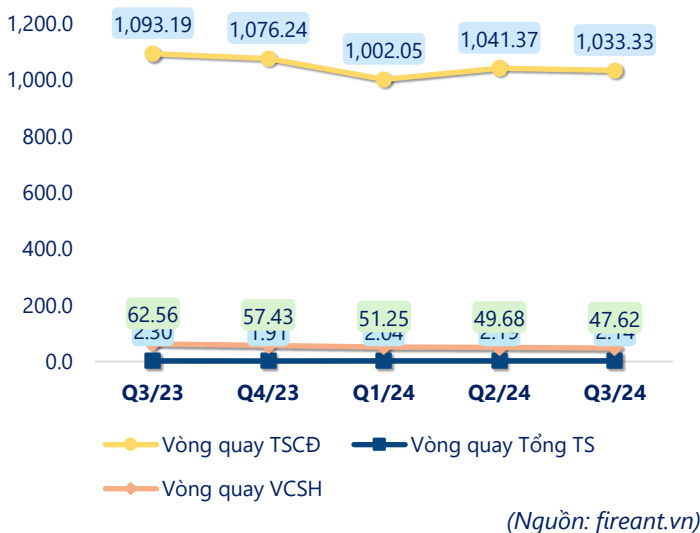
## Tỷ suất lợi nhuận



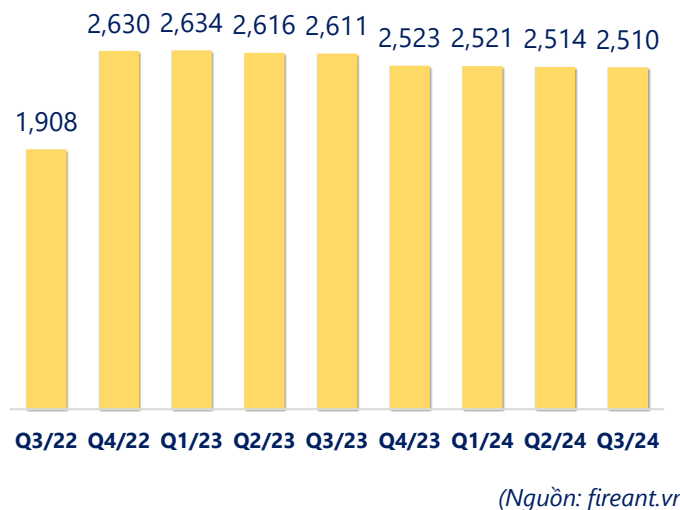
## Chỉ số thanh khoản



## Vòng quay tài sản



## EPS



| KẾT QUẢ KINH DOANH<br>(tỷ VNĐ) | Q3/24 | Q3/23 | Thay đổi<br>YoY | 9T 2024 | 9T 2023 | Thay đổi<br>YoY |
|--------------------------------|-------|-------|-----------------|---------|---------|-----------------|
| Doanh thu thuần                | 2,284 | 2,838 | -19.5%          | 6,701   | 8,624   | -22.3%          |
| Giá vốn hàng bán               | 2,272 | 2,830 | -19.7%          | 6,669   | 8,601   | -22.5%          |
| Lợi nhuận gộp                  | 11.8  | 7.68  | 53.4%           | 31.7    | 22.5    | 40.9%           |
| Doanh thu HĐTC                 | 71.6  | 110   | -34.9%          | 260     | 421     | -38.3%          |
| Chi phí TC                     | 80.6  | 114   | -29.3%          | 278     | 427     | -34.9%          |
| Chi phí lãi vay                | 46.9  | 64.1  | -26.9%          | 139     | 210     | -33.7%          |
| LN trong công ty LKLD          | 0     | 0.00  |                 | 0       | 0       |                 |
| Chi phí bán hàng               | 1.19  | 1.00  | 19.0%           | 3.33    | 3.19    | 4.4%            |
| Chi phí QLDN                   | 1.29  | 1.40  | -8.1%           | 3.76    | 3.45    | 8.8%            |
| LN thuần từ HĐKD               | 0.31  | 0.47  | -33.0%          | 6.35    | 10.00   | -36.5%          |
| Lợi nhuận khác                 | 0.19  | 0.08  | 142%            | 3.68    | 0.15    | 2287%           |
| LN trước thuế                  | 0.51  | 0.55  | -7.6%           | 10.0    | 10.2    | -1.3%           |
| Lợi nhuận sau thuế             | 0.41  | 0.44  | -7.6%           | 8.02    | 8.12    | -1.2%           |
| LNST của CĐ cty mẹ             | 0.41  | 0.44  | -7.6%           | 8.02    | 8.12    | -1.2%           |

(Nguồn: fireant.vn)

